

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 5- 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Lê Đức T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: số nhà 236, khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh P.

(ông T có mặt, bà D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Đức T trình bày:

Ông T và bà Trần Thị Kim D kết hôn ngày 16/11/1989, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông T cho rằng, vợ chồng ông bà bất đồng quan điểm sống. Kể từ năm 2001, khi vợ chồng dạn nứt tình cảm nên đã sống ly thân cho đến nay. Khoảng từ năm 2003 đến năm 2010, bà D đã vi phạm pháp luật phải đi cải tạo tại Trại giam Tân Lập. Khi trở về địa phương, bà D

thường xuyên đi làm thuê lang thang ít về nhà. Đến năm 2020, bà D lại vi phạm pháp luật phải đi cải tạo đến cuối năm 2021 trở về địa phương thời gian ngắn, hiện nay bà D lại đi làm thuê không có nhà. Vợ chồng từ lâu không ai còn quan tâm đến ai. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà D.

Về con chung: Ông và bà D có 03 con chung là anh Lê Khánh T, sinh ngày 27/9/1990, chị Lê Thùy T, sinh ngày 13/11/1992 và Lê Quyết T, sinh ngày 02/01/1995. Hiện các con chung đã trưởng thành, có công việc, ông không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Kim D trình bày (BL24):

Bà kết hôn với ông Lê Đức T tháng 11/1989 tại UBND thị trấn T, huyện T. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng 05 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, mất lòng tin ở nhau, ông T có quan hệ ngoại tình với người khác. Nay ông T ly hôn, bà nhất trí ly hôn.

Về con chung: ông bà có 3 con chung như ông T đã trình bày. Hiện nay con chung đã trưởng thành, bà không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: bà D xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà D yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ bồi thường tuổi xuân cho bà với số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho ông Lê Đức T được ly hôn bà Trần Thị Kim D.

+ Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Không chấp nhận yêu cầu của bà D yêu cầu ông T bồi thường tuổi thanh xuân cho bà D 20.000.000đ.

+ Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa ông Lê Đức T và bà Trần Thị Kim D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông T và bà D đều có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thị trấn T, huyện T, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà D có trình bày quan điểm về hôn nhân nhưng không đến Tòa án để làm việc, ông T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án không thực hiện thủ tục hòa giải vụ việc giữa ông T và bà D. Tại phiên tòa, bà D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ hai, vì vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Lê Đức T và bà Trần Thị Kim D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh P ngày 16/11/1989 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T và bà D có những bất đồng quan điểm sống. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ thị trấn T cho biết quá trình ông T và bà D xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông bà không đề nghị hòa giải ở cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ.

Ông T và bà D đều thừa nhận vợ chồng ly thân nhau đã lâu do có nhiều mâu thuẫn, mất lòng tin ở nhau. Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà D không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, ông T và bà D có quan điểm thuận tình ly hôn. Xét nên xử cho công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T và bà D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà D đề nghị Tòa án buộc ông T phải bồi thường tuổi xuân cho bà với số tiền 20.000.000đ là không có căn cứ bởi lẽ, bản thân bà D cũng thừa nhận, bà không có công sức đóng góp gì trong gia đình trong quá trình hôn nhân, vì vậy HĐXX không chấp nhận đề nghị trên của bà D là phù hợp pháp luật.

* Về con chung, tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: các bên đều không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Ông T nhận nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Đức T và bà Trần Thị Kim D.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Kim D về việc yêu cầu ông T phải bồi thường tuổi xuân cho bà số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn).

[3]. Về án phí: Ông Lê Đức T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003304 ngày 24/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P. Hoàn lại cho ông T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí.

Ông Lê Đức T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh, huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND thị trấn Thanh Ba
- Lưu HS; VP.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hà Thanh Loan